

Số: /2025/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định cung cấp thông tin, tổ chức quản lý và hoạt động của Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh và Cổng thông tin điện tử thành phần

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11;

Căn cứ Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo số 75/2025/QH15;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13;

Căn cứ Luật Báo chí số 103/2016/QH13;

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP của Chính phủ Về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính;

Căn cứ Nghị định số 09/2017/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP của Chính phủ về Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định 132/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 25/2010/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc thu thập, sử dụng, chia sẻ, đảm bảo an toàn và bảo vệ thông tin cá nhân trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2020/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định việc áp dụng tiêu chuẩn, công nghệ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về cấu trúc, bố cục, yêu cầu kỹ thuật cho Cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 107/TTr-SKHCCN ngày 17/10/2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định cung cấp thông tin, tổ chức quản lý và hoạt động của Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh và Cổng thông tin điện tử thành phần.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cung cấp thông tin, tổ chức quản lý và hoạt động của Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh và Cổng thông tin điện tử thành phần.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 12 năm 2025 và thay thế Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về Ban hành quy định cung cấp thông tin, tổ chức quản lý và hoạt động của Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Giang và Cổng thông tin điện tử thành phần.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản & QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Pháp luật - Văn phòng Chính phủ;
- TT.TU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VPTU và các cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- UB MTTQ tỉnh;
- VP ĐDBQH và HĐND tỉnh; các Ban của HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, KGVX;
- + TTTT: 01 bản giấy, 01 bản điện tử (đăng Công báo);
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Sơn

QUY ĐỊNH

Cung cấp thông tin, tổ chức quản lý và hoạt động của Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh và Cổng thông tin điện tử thành phần
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về cung cấp thông tin, tổ chức quản lý và đảm bảo hoạt động của Cổng thông tin điện tử (sau đây viết tắt là Cổng TTĐT) tỉnh và Cổng TTĐT thành phần trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Quy định này áp dụng cho các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND xã, phường trên địa bàn tỉnh (sau đây viết tắt là các cơ quan, đơn vị).
- Quy định này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, các tổ chức và cá nhân tham gia cung cấp, biên tập, quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, quản trị, vận hành Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần theo quy định pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Cổng TTĐT tỉnh Bắc Ninh là kênh cung cấp thông tin chính thức, thống nhất, tập trung về hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên môi trường mạng.
- Cổng TTĐT thành phần là Cổng TTĐT của các cơ quan, đơn vị. Cổng TTĐT thành phần trực thuộc Cổng TTĐT tỉnh.
- Hạ tầng kỹ thuật của Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần gồm có trang thiết bị, máy chủ, hệ thống mạng, hệ thống phần mềm ứng dụng Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần. Hạ tầng kỹ thuật của Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần được đặt tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh.
- Người quản trị vận hành Cổng TTĐT là người quản trị vận hành về hạ tầng kỹ thuật và về nội dung của Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần. Người quản trị vận hành hạ tầng kỹ thuật Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần do công chức hoặc viên chức thuộc quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện; người quản trị vận hành về nội dung Cổng TTĐT tỉnh do công chức hoặc viên chức thuộc quản lý của Văn phòng UBND tỉnh; người quản trị vận hành về nội dung Cổng TTĐT thành phần do công chức hoặc viên chức thuộc cơ quan, đơn vị quản lý thực hiện.
- Kênh cung cấp thông tin là kênh giao tiếp trên môi trường mạng của cơ quan nhà nước được quy định tại khoản 9 Điều 3 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày

24/6/2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng (sau đây viết tắt là Nghị định số 42/2022/NĐ-CP).

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

CUNG CẤP THÔNG TIN

Điều 4. Quy định tên miền cho Cổng thông tin điện tử tỉnh và Cổng thông tin điện tử thành phần

Tên miền của Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” và sử dụng công nghệ địa chỉ Internet IPv6, tuân thủ theo quy tắc sau đây:

1. Cổng TTĐT tỉnh sử dụng tên miền cấp 3 của Việt Nam, là tên đầy đủ của tỉnh, bằng tiếng Việt không dấu theo dạng: bacninh.gov.vn.

2. Cổng TTĐT của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có tên miền cấp 4 là tên viết tắt của cơ quan bằng tiếng Việt không dấu, không khoảng trống theo dạng: tencoquan.bacninh.gov.vn, trong đó tencoquan là tên viết tắt hoặc tên đầy đủ của cơ quan chuyên môn bằng tiếng Việt không dấu hoặc tiếng Anh.

3. Cổng TTĐT của UBND xã, phường, sử dụng tên miền cấp 4 theo dạng: tenphuongxa.bacninh.gov.vn, trong đó tenphuongxa là tên đầy đủ của xã, phường bằng tiếng Việt không dấu.

Điều 5. Cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Cổng thành phần

1. Nội dung thông tin cung cấp trên Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần.

a) Thông tin theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 132/2025/NĐ-CP và Nghị định số 118/2025/NĐ-CP; các thông tin khác theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh và theo các văn bản pháp luật khác có liên quan.

b) Cung cấp thông tin bằng tiếng nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

c) Thông tin kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu từ các hệ thống khác theo quy định.

2. Nguyên tắc cung cấp thông tin trên Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần.

a) Kênh cung cấp thông tin được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

b) Việc kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu trên Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP và Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

c) Thông tin cung cấp trên Cổng TTĐT phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, báo chí, sở hữu trí tuệ và quản lý thông tin trên Internet và các quy định pháp luật khác có liên quan.

d) Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần phải đáp ứng các tiêu chuẩn hỗ trợ người khuyết tật theo Thông tư số 26/2020/TT-BTTTT ngày 23/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định việc áp dụng tiêu chuẩn, công nghệ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thông tin và truyền thông.

đ) Việc tạo lập, sử dụng và lưu trữ dữ liệu đặc tả trên Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 3 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP, các quy định kỹ thuật cụ thể thực hiện theo Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về cấu trúc, bố cục, yêu cầu kỹ thuật cho Cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

Điều 6. Các chức năng trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Cổng thành phần

1. Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần có các chức năng phục vụ việc cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 5 của Quy định này.

2. Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần có các chức năng hỗ trợ cơ bản theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

3. Các chức năng khác theo yêu cầu thực tiễn của các cơ quan, đơn vị hoặc theo các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 7. Tương tác với tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng

1. Nội dung tương tác với tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng của Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần được thực hiện theo quy định tại điểm a, c, d, đ khoản 1 Điều 8 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

2. Việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân trên Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần được thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 8 Thông tư số 25/2010/TT-BTTTT ngày 15/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định việc thu thập, sử dụng, chia sẻ, đảm bảo an toàn và bảo vệ thông tin cá nhân trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng TTĐT của cơ quan nhà nước; đồng thời tuân thủ các quy định bảo vệ thông tin cá nhân theo Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20 Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19/11/2015 của Quốc hội.

Điều 8. Quảng cáo trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Cổng thành phần

Quảng cáo trên Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần nhằm hỗ trợ quảng bá, truyền thông, kết nối thương mại điện tử, logistics, chuyên đổi số,... đến người dân, doanh nghiệp không có mục đích sinh lợi và đảm bảo tuân thủ theo khoản 16 Điều 1 Luật Quảng cáo số 75/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo và các quy định, văn bản hướng dẫn khác của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Quy định tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân tại chuyên mục Hỏi – Đáp/Phản ánh kiến nghị

1. Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân tại chuyên mục Hỏi – Đáp/Phản ánh kiến nghị.

a) Phản ánh, kiến nghị không đủ điều kiện tiếp nhận để trả lời trong các trường hợp:

Phản ánh, kiến nghị chưa nêu rõ ràng về nội dung, không có đầy đủ thông tin của cá nhân, tổ chức gửi;

Nội dung liên quan đến giải quyết khiếu nại, tố cáo.

b) Ý kiến đề nghị trả lời của các tổ chức, cá nhân và việc trả lời của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh không bị điều chỉnh bởi Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo; ý kiến trả lời của các cơ quan, đơn vị chỉ có ý nghĩa tham khảo, không phải là cơ sở pháp lý để giải quyết các quan hệ dân sự;

c) Những ý kiến của tổ chức, cá nhân về các quy định hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân được thực hiện theo trình tự giải quyết theo quy định của Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính;

2. Trả lời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân tại chuyên mục Hỏi – Đáp/Phản ánh kiến nghị.

a) Thời gian trả lời trên chuyên mục Hỏi - Đáp/Phản ánh kiến nghị quy định như sau:

Năm (05) ngày làm việc đối với các ý kiến thuộc thẩm quyền giải quyết;

Bảy (07) ngày làm việc đối với các ý kiến cần sự phối hợp liên ngành;

Trường hợp đặc biệt thì phải hẹn trả lời nhưng tối đa không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận.

b) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; UBND các xã có trách nhiệm.

Trả lời các ý kiến được gửi đến thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị; tùy theo tính chất, thông tin liên quan mà cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trả lời trên Cổng TTĐT;

Trả lời các ý kiến đảm bảo theo thời gian quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này; khuyến khích các cơ quan, đơn vị trả lời phản ánh, kiến nghị của công dân bằng văn bản hành chính; Phân công Lãnh đạo cơ quan, đơn vị theo dõi và trả lời ý kiến trên chuyên mục Hỏi - Đáp/Phản ánh kiến nghị.

Mục 2

TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỔNG TTĐT

Điều 10. Tổ chức, quản lý Cổng thông tin điện tử tỉnh và Cổng thành phần

1. Cổng TTĐT tỉnh hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch UBND tỉnh. Cổng TTĐT thành phần hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của thủ trưởng cơ quan, đơn vị có Cổng TTĐT thành phần.

2. Ban biên tập Cổng TTĐT tỉnh (đơn vị trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh) là đơn vị tham mưu quản trị, vận hành hoạt động của Cổng TTĐT tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định thành lập Ban Biên tập Cổng thành phần là Cổng TTĐT của cơ quan, đơn vị mình.

3. Ban biên tập Cổng TTĐT tỉnh và Ban biên tập Cổng TTĐT thành phần (sau đây viết tắt là Ban biên tập Cổng TTĐT) làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Trưởng Ban và Phó trưởng Ban biên tập Cổng TTĐT thành phần được sử dụng con dấu của cơ quan đơn vị mình phụ trách để liên hệ công tác.

Điều 11. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, quản lý, vận hành, duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh và Cổng thành phần

1. Hạ tầng kỹ thuật Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần phải được đảm bảo theo quy định tại các Điều 23, Điều 24, Điều 25 và Điều 26 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

2. Hệ thống Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần phải có giải pháp sao lưu, phục hồi, đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho dữ liệu, sẵn sàng phục hồi dữ liệu khi hệ thống gặp sự cố.

3. Hệ thống Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần được nâng cấp thường xuyên trên cơ sở các quy định hiện hành và yêu cầu thực tiễn của các cơ quan, đơn vị.

Điều 12. Kinh phí duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh và Cổng thành phần

1. Kinh phí chi cho công tác bồi dưỡng cán bộ thực hiện cung cấp thông tin thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

2. Kinh phí bảo đảm cơ sở hạ tầng và an toàn thông tin theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

3. Kinh phí tạo lập thông tin và chi trả nhuận bút, cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về giao diện, nội dung thông tin trên Cổng TTĐT thành phần của cơ quan, đơn vị mình quản lý.

2. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá công tác quản trị vận hành, biên tập, cập nhật và hoạt động Cổng TTĐT thành phần của cơ quan, đơn vị mình, đảm bảo theo các quy định của Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chịu trách nhiệm kiểm tra và đánh giá việc cung cấp thông tin của các cơ quan, đơn vị trực thuộc trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật.

3. Cử người quản trị vận hành Cổng TTĐT thành phần của cơ quan, đơn vị; thông báo cho Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ biết để phối hợp trong quá trình quản lý, vận hành, cung cấp thông tin và duy trì hoạt động Cổng TTĐT thành phần thuộc phạm vi quản lý.

4. Ban hành quy định hoạt động Ban biên tập Cổng TTĐT thành phần của cơ quan, đơn vị và phân công nhiệm vụ cụ thể cho người thực hiện việc tiếp nhận, xử lý, biên tập, cập nhật thông tin theo các quy định của Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Cung cấp các thông tin theo yêu cầu của Ban biên tập Cổng TTĐT tỉnh.

6. Tiếp nhận và trả lời ý kiến bạn đọc theo khoản 2, Điều 9 và quy định pháp luật hiện hành tại chuyên mục Hỏi – Đáp/Phản ánh kiến nghị.

7. Thực hiện báo cáo định kỳ tình hình hoạt động Cổng TTĐT thành phần của đơn vị theo các nội dung sau:

a) Tên báo cáo, nội dung báo cáo theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Đối tượng thực hiện báo cáo: Ban biên tập Cổng TTĐT.

c) Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ).

d) Định kỳ 6 tháng (gửi trước ngày 15/6) và hằng năm (gửi trước ngày 15/11), gửi báo cáo kết quả thực hiện tình hình cung cấp thông tin trên Cổng thông tin của cơ quan, đơn vị.

8. Khi phát hiện có sự cố về mặt kỹ thuật hoặc nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin phải báo cáo kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để xử lý theo quy định.

9. Xây dựng dự toán kinh phí duy trì hoạt động; kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho Cổng TTĐT thành phần do cơ quan, đơn vị quản lý trong dự toán ngân sách hằng năm của các cơ quan, đơn vị bảo đảm theo quy định pháp luật hiện hành về phân cấp ngân sách nhà nước.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban biên tập Cổng thông tin điện tử

1. Thực hiện cung cấp thông tin trên Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

2. Kiểm duyệt nội dung thông tin trước khi đưa lên Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

3. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Biên tập Cổng TTĐT, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên để cung cấp, xử lý thông tin theo đúng quy định của Quy chế này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác của các thông tin được cung cấp trên Cổng TTĐT.

4. Phối hợp với người quản trị vận hành Cổng TTĐT thành phần của cơ quan, đơn vị mình và phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đảm bảo Cổng TTĐT thành phần của cơ quan, đơn vị hoạt động thông suốt, hiệu quả, an toàn, bảo mật thông tin.

5. Là đầu mối tiếp nhận, giải quyết các kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân gửi đến Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần.

6. Tham mưu cơ chế, chính sách, huy động các nguồn lực cho ứng dụng phát triển Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần.

7. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thu thập, tiếp nhận, biên tập, cập nhật thông tin trên Cổng TTĐT.

Điều 15. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Là cơ quan thường trực Ban biên tập Cổng TTĐT tỉnh, giúp Chủ tịch UBND tỉnh quản trị về nội dung và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ nội dung cung cấp trên Cổng TTĐT tỉnh.

2. Chủ trì tham mưu ban hành quy định hoạt động và các văn bản liên quan của Ban biên tập Cổng TTĐT tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất với UBND tỉnh các giải pháp để mở rộng kênh thông tin, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Cổng TTĐT tỉnh. Hằng năm, chịu trách nhiệm xây dựng dự toán bảo đảm kinh phí hoạt động của Cổng TTĐT tỉnh; tham mưu chế độ nhuận bút, thù lao cho những thông tin được sử dụng trên Cổng TTĐT tỉnh.

4. Chịu trách nhiệm kiểm tra và đánh giá việc cung cấp thông tin của các cơ quan, đơn vị trên môi trường mạng theo quy định tại Điều 5 Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Là đơn vị đầu mối về kỹ thuật, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về đảm bảo duy trì hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn an ninh thông tin cho hạ tầng kỹ thuật Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc đăng ký, quản lý, cấp phát, duy trì tên miền của Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần.

2. Hướng dẫn việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần cho các cơ quan, đơn vị; thực hiện kết nối Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số để quản lý, giám sát hiệu quả, mức độ cung cấp, sử dụng thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

3. Chủ trì tham mưu, đề xuất các giải pháp cho hạ tầng kỹ thuật Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần, đảm bảo duy trì hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn an ninh thông tin cho Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần.

4. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tham mưu thực hiện nâng cấp Cổng TTĐT tỉnh đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và điều kiện thực tiễn của địa phương.

5. Định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về tình hình hoạt động của Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần theo quy định tại khoản 7 Điều 13 Quy định này.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí hoạt động cho Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần trong dự toán ngân sách hằng năm, bảo đảm theo quy định pháp luật hiện hành về phân cấp ngân sách nhà nước; hướng dẫn các đơn vị sử dụng kinh phí đúng quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của người quản trị vận hành Cổng thông tin điện tử

1. Người quản trị vận hành Cổng TTĐT phải có trách nhiệm bảo quản an toàn, bảo mật thông tin tài khoản truy cập quản trị, biên tập hệ thống (gồm: tên đăng nhập và mật khẩu).

2. Chịu trách nhiệm về sự cố xảy ra nếu liên quan đến tài khoản mình quản lý; có trách nhiệm bàn giao tài khoản, mật khẩu khi không còn được giao quản trị, vận hành Cổng TTĐT.

3. Có trách nhiệm báo cáo cơ quan, đơn vị và Sở Khoa học và Công nghệ để kịp thời khắc phục, xử lý khi có sự cố xảy ra.

Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp, khai thác thông tin trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Cổng thông tin điện tử thành phần

1. Khi sử dụng tin, bài, ảnh trên Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần phải ghi rõ nguồn “Cổng TTĐT tỉnh Bắc Ninh, tại địa chỉ: <ghi rõ địa chỉ tên miền truy cập Cổng TTĐT tỉnh hoặc Cổng TTĐT thành phần>”.

2. Các tổ chức, cá nhân cung cấp tin, bài, ảnh, và các thông tin phù hợp với yêu cầu nội dung của Cổng TTĐT tỉnh và Cổng TTĐT thành phần, được Ban biên tập Cổng TTĐT kiểm duyệt và đăng tải sẽ được hưởng chế độ nhuận bút theo quy định hiện hành.

3. Không được vi phạm các nội dung quy định tại Điều 7 của Luật An toàn thông tin mạng.

4. Thực hiện các quy định của Quy định này và các quy định pháp luật liên quan khác.

Điều 20. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Mẫu 01

CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...

Bắc Ninh, ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Tình hình cung cấp thông tin trên Cổng thông tin của đơn vị 6 tháng/ năm.....

TT	VB QPPL	VB QLHC	Tin PBPL	Thủ tục hành chính	Chương trình kế hoạch	Dự án	Thông tin về bộ máy	Báo cáo tài chính	Thông tin thống kê	Thông tin KHCN	Thông tin dịch bệnh	Thông tin công khai	Kênh thông tin
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

Nội dung báo cáo theo tiêu chí thuộc Điều 4,5 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

- (1). Số thứ tự
- (2). Số lượng văn bản quy phạm pháp luật của đơn vị ban hành đăng tải lên cổng đầy đủ theo Điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP / Tổng số lượng văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành.
- (3). Số lượng văn bản quản lý hành chính thuộc thẩm quyền ban hành đầy đủ theo Điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP / Tổng số lượng (tổng của đăng tải và không đăng tải)
- (4). Thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, quy trình giải quyết công việc của đơn vị có tuân thủ các quy định của pháp luật, bảo đảm thống nhất, tích hợp từ Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh hay không (Có/Không)
- (5). Số lượng tin bài thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách
- (6). Số lượng chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước / Tổng số lượng (tổng của đăng tải và không đăng tải)
- (7) Số lượng thông tin về danh mục dự án, chương trình và kết quả thực hiện đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, các nguồn vốn vay theo quy định của pháp luật / Tổng số lượng (tổng của đăng tải và không đăng tải)

- (8) Thông tin về tổ chức bộ máy hành chính, bản đồ địa giới hành chính đến cấp xã, điều kiện tự nhiên, lịch sử, truyền thống văn hóa, di tích, danh thắng; tiểu sử tóm tắt và nhiệm vụ đảm nhiệm của lãnh đạo cơ quan có đầy đủ hay không? (Có/Không)
- (9). Báo cáo tài chính năm công khai theo quy định của Luật Kế toán.? (Có/Không)
- (10). Thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của Luật Thống kê? (Có đăng/Không đăng/Không có dữ liệu)
- (11). Thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ? (Có đăng/Không đăng/Không có dữ liệu)
- (12). Thông tin về dịch theo quy định của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm? (Có đăng/Không đăng/Không có dữ liệu)
- (13). Đã công khai danh mục thông tin phải được công khai chưa, trong đó nêu rõ địa chỉ, hình thức, thời điểm, thời hạn công khai đối với từng loại thông tin. (Có/Không).
- (14). Số lượng kênh thông tin được đơn vị cung cấp theo Điều 5 Nghị định số42/2022/NĐ-CP được công bố trên Cổng của đơn vị.

CƠ QUAN BÁO CÁO

Số: /BC-...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*Bắc Ninh, ngày tháng năm 20...***BÁO CÁO****Đánh giá, kiến nghị về hoạt động Cổng thông tin của đơn vị 6 tháng/năm.....**

TT	Các vấn đề tồn tại	Kiến nghị, đề xuất
(1)	(2)	(3)

*(1). Số thứ tự**(2). Các vấn đề tồn tại, khó khăn trong hoạt động Cổng thông tin điện tử của đơn vị**(3). Kiến nghị, đề xuất để giải quyết các khó khăn, vấn đề tồn tại.*